

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 02-6-2021  
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông La Văn Châu;

Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị B, sinh năm 1986; cư trú tại: tổ 1, khu phố M, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn Ch, sinh năm 1985; hộ khẩu thường trú: thôn S, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; tạm trú: tổ 1, khu phố M, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:

Về hôn nhân: chị Bùi Thị B đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn Ch tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 05 tháng 10 năm 2009 (Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2009); hôn nhân tự nguyện. Chị B và anh Ch chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân anh Ch nghiện ma

túy đá; anh chị không có tiếng nói chung và không còn tin tưởng nhau. Chị B đã nhiều lần khuyên anh Ch cai nghiện nhưng không được. Mâu thuẫn kéo dài, anh chị không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân dù vẫn sống chung nhà. Nay, chị B không thể tiếp tục chung sống với anh Ch nên chị B yêu cầu ly hôn.

Về nuôi con chung: chị B và anh Ch có 01 con chung tên Vũ Anh T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010; chị B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: chị B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Ch đều vắng mặt không lý do; Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh Ch.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ch.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị B và anh Ch là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do anh Ch nghiện ma túy đá, anh chị không có tiếng nói chung và không còn tin tưởng nhau; chị B nhiều lần khuyên anh Ch cai nghiện nhưng không được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Theo Biên bản xác minh ngày 26 tháng 3 năm 2021 do Tòa án lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương về tình trạng hôn nhân của chị B và anh Ch (bút lục số 51), anh Ch có sử dụng ma túy đá. Xét thấy, anh Ch nghiện ma túy là hành vi vi phạm pháp luật; anh Ch không cai nghiện dù chị B đã nhiều lần khuyên; điều này làm ảnh hưởng đến kinh tế và mọi mặt cuộc sống của gia đình, ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của vợ và con; không thể xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Anh chị là vợ chồng nhưng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau là không giữ đúng tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn

anh Ch theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh Ch đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Ch bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Xét hôn nhân của chị B và anh Ch đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, quyết định cho chị B và anh Ch ly hôn.

Về nuôi con chung: chị B và anh Ch có một con chung tên Vũ Anh T; chị B yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Tuấn đã hơn 10 tuổi và có nguyện vọng ở với chị B (bút lục số 34); yêu cầu của chị B về nuôi con chung là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh Ch có trách nhiệm giao cháu Tuấn cho chị B trực tiếp nuôi. Chị B không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị B và anh Ch không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị B đối với anh Vũ Văn Ch về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Bùi Thị B và anh Vũ Văn Ch.

Về nuôi con chung:

Anh Vũ Văn Ch có trách nhiệm giao con chung tên Vũ Anh T, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2010 cho chị Bùi Thị B trực tiếp nuôi, chị Bùi Thị B không yêu cầu anh Vũ Văn Ch cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Văn Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản, nợ chung: chị Bùi Thị B và anh Vũ Văn Ch không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị B đã nộp theo biên lai số AA/2016/0039274 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Bùi Thị B đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND xã P, huyện X, tỉnh Thanh Hóa;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyên**

